

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2023
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Võ Chí T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Thùy D**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: tổ 17, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Võ Chí T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/6/2007. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay. Thời gian ly thân, vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng

không thành. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh Lê Võ Chí T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Thùy D.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Huỳnh Bảo T, sinh ngày 13/6/2000, Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Hiện nay, con chung Bảo T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Bảo D và Việt T đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị D nuôi dưỡng con chung Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi con chung hàng tháng số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương của mức lương cơ bản. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D thừa nhận lời trình bày của anh T về việc hai người kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/6/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của anh T. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị D xác định anh T bỏ nhà đi hơn 10 năm nay và có người phụ nữ khác bên ngoài. Tuy nhiên, chị D không đồng ý ly hôn vì: Muốn con phải có cha, ngoài ra không có lý do nào khác.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Huỳnh Bảo T, sinh ngày 13/6/2000, Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Hiện nay, con chung Bảo T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Bảo D và Việt T đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi dưỡng con chung Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Lê Võ Chí T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thùy D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Lê Thị Thùy D là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 17, ấp Đông M, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T và chị D kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/6/2007, do đó hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp. Nay, đời sống hôn nhân giữa anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T, chị D đã ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Sau khi ly thân, không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Chị D thừa nhận thời gian ly thân, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị D không đồng ý ly hôn vì muốn con cần phải có cha. Nhưng chị D không có phương án hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh T và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Lê Võ Chí T.

- **Về con chung:** Anh T, chị D có 03 con chung tên Lê Huỳnh Bảo T, sinh ngày 13/6/2000, Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Hiện nay, con chung Bảo T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Bảo D và Việt T đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh T, chị D thống nhất để chị D nuôi dưỡng con chung Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010. Tại bản tự khai ngày 08/12/2022 các con chung Lê Huỳnh Việt T, Lê Trọng Bảo D có nguyện vọng được sống với chị D. Do đó, giao con chung tên Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị D yêu cầu anh Tg cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi con chung hàng tháng số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương của mức lương cơ bản. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Do đó, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010 mỗi con chung hàng tháng số tiền bằng

½ tháng lương của mức lương cơ bản tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Lê Võ Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Anh T và chị D trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh T và chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0014623 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Võ Chí T.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Võ Chí T được ly hôn với chị Lê Thị Thùy D.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Huỳnh Bảo T, sinh ngày 13/6/2000 đã trưởng thành, anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao các con chung tên Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010 cho chị Lê Thị Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Võ Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Trọng Bảo D, sinh ngày 02/6/2009 và Lê Huỳnh Việt T, sinh ngày 03/10/2010 mỗi con

chung hàng tháng số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương của mức lương cơ bản tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Võ Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Lê Võ Chí T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0014623 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Lê Võ Chí T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà